TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2024/DSST
Ngày: 08/3/2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hồng Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Quang Tuyến**

Bà **Nguyễn Tường Diễm Linh Giang**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc tham gia phiên toà: Ông **Lê Minh Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 227/2023/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-DS ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn*:** Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 129 đường LTK, KP 5, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh KG

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Mỹ Ng**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, ấp SĐ, xã DT, thành phố PQ, tỉnh KG.

***- Bị đơn*:** Bà **Nguyễn Thùy L,** sinh năm 1964. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp LB, xã CC, thành phố PQ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ Ng trình bày:

Ngày 03/8/2015 Âm lịch (nhằm ngày 15/9/2015 dương lịch) bà Trần Thị H có cho bà Nguyễn Thùy L, vay số tiền 633.000.000đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, hai bên có lập biên nhận và thời gian vay tiền là 02 tháng. Để đảm bảo cho việc vay tiền bà L đưa giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AH886450 đứng tên ông Võ Văn Ch (chồng bà L) và giấy chứng tử của ông Ch cho bà H giữ. Tuy nhiên, kể từ ngày vay tiền đến nay, bà L không đóng lãi và cũng không trả tiền gốc cho bà H, mặc dù bà H đã liên lạc với bà L để yêu cầu trả nợ nhiều lần. Nay bà H yêu cầu bà L trả số tiền gốc 633.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định cụ thể:

- Buộc bà Nguyễn Thùy L trả lại số tiền gốc 633.000.000 đồng *(Sáu trăm ba mươi ba triệu đồng);* về lãi suất cho vay yêu cầu Tòa án tính theo quy định của pháp luật tính từ ngày 15/9/2015 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là 1.66%/tháng.

- Bà Trần Thị H đồng ý trả lại các giấy tờ đang giữ gồm: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 886450, diện tích 930,7m^2 được UBND huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ) cấp ngày 24/4/2007; Bản chính giấy chứng tử của ông Võ Văn Chấn cấp ngày 26/02/2008; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cấp ngày 23/8/2000 cho bà Nguyễn Thùy Linh.

Tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ Ng có ý kiến yêu cầu bà L trả số tiền gốc 633.000.000 đồng; rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi từ thời gian từ ngày 15/9/2015 đến ngày 15/01/2017, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/01/2017 tạm tính đến ngày 08/3/2024 với mức lãi suất 1.66%/tháng. Cụ thể số tiền lãi tính đến ngày 08/3/2024 là 900.474.150 đồng. Bà Trần Thị H đồng ý trả lại các giấy tờ bà H đang giữ như trình bày ở trên.

Tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thuỳ L trình bày: Thông qua bà Thị Ch, bà L có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng (hai bên có lập biên nhận và bà H giữ, thời gian đã lâu nên bà L không nhớ). Khi bà H giao số tiền 200.000.000 đồng cho bà L thì có sự chứng kiến của bà Ch. Bà L vay 200.000.000 đồng nhưng chỉ lấy 50.000.000 đồng và đưa cho bà Thị Ch 150.000.000 đồng cùng ngày. Bà Ch thỏa thuận với bà L mỗi tháng bà Ch sẽ đóng lãi cho bà H là 5.000.000 đồng trên số tiền gốc là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay xong thì bà Thị Ch không đóng tiền lãi cho bà H và cũng không trả số tiền 150.000.000 đồng cho bà L để bà L trả cho bà H.

Đến ngày 03/8/2015 (Âm lịch), tức là ngày 15/9/2015 (Dương lịch) bà H và bà L chốt lại số tiền nợ gốc và lãi là 633.000.000 đồng, hai bên có viết giấy biên nhận nợ và thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng. Bà L đã đóng cho bà H 100.000.000 đồng tiền lãi. Khi vay tiền bà L có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 886450 diện tích 930,7m^2 do UBND huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ) cấp ngày 24/4/2007 do chồng bà L (ông Võ Văn Ch) đứng tên để đảm bảo cho khoản vay.

Nay bà H yêu cầu bà L trả lại số tiền gốc 633.000.000 đồng (Sáu trăm ba mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 1.66%/tháng tính từ ngày 16/01/2017 đến ngày 08/3/2024 là 900.474.150 đồng bà L không thống nhất. Bà L đồng ý trả số tiền gốc và lãi là 900.000.000 đồng. Bà L cho rằng chỉ sử dụng 50.000.000 đồng, còn số tiền 150.000.000 đồng là L đưa cho bà Ch, nay bà Ch đã chết.

Nếu bà H đồng ý với số tiền như bà L đã trình bày là 900.000.000 đồng, bà L yêu cầu bà H trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 886450 diện tích 930,7m^2, được UBND huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ) cấp ngày 24/4/2007. Bà L lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên để vay thế chấp tại ngân hàng, lấy tiền trả cho bà H. Nếu bà H không đồng ý với ý kiến của trên, bà L sẽ chốt nợ lại với bà H số tiền bà nợ của bà H là 900.000.000 đồng và mỗi tháng sẽ đóng lãi cho bà H, khi nào bán được đất bà L sẽ trả tiền cho bà H.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ Ng trình bày: Sau khi nghe ý kiến trình bày của bà L, với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bà Ng rút lại một phần tiền lãi đối với bà L, đồng ý khấu trừ số tiền lãi 100.000.000 đồng, bà L đã đóng cho bà H. Yêu cầu bà L trả số tiền lãi là 367.000.000 đồng. Tổng gốc và lãi là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thuỳ L trình bày thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn đồng ý trả số tiền gốc và lãi 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ có ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đến thời điểm này đều đảm bảo đúng pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng xét thấy vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, do đó kiến nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm chung.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L trả số tiền gốc 633.000.000 đồng và tiền lãi là 1.66%/tháng tính từ ngày 16/01/2017 đến ngày 08/3/2024 là 900.474.150 đồng, trừ đi số tiền lãi 100.000.000 đồng bà L đã đóng cho bà H.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn rút lại thời gian tính lãi từ ngày 15/9/2015 đến 15/01/2017 và rút lại một phần yêu cầu tiền lãi, bị đơn đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đồng ý trả tiền gốc và lãi, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà L trả số tiền gốc 633.000.000 đồng và ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc rút lại thời gian tính lãi suất và tiền lãi. Tổng số tiền gốc và lãi bà L phải trả cho bà H là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu thời gian tính lãi và số tiền lãi của bà H.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H đồng ý trả các giấy tờ bà H đang giữ của bà L gồm: Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 886450, diện tích 930,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm được UBND huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ) cấp ngày 24/4/2007; Bản chính giấy chứng tử của ông Võ Văn Chấn cấp ngày 26/02/2008; Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cấp ngày 23/8/2000.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của tòa án: Bị đơn là bà Nguyễn Thuỳ L có nơi cư trú tại địa bàn thành phố PQ, tỉnh KG. Vì vậy, căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh KG

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi: Không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/9/2015 đến ngày 15/01/2017, yêu cầu bà L trả số tiền gốc 633.000.000 đồng và lãi suất là 1.66%/tháng tính từ ngày 16/01/2017 tạm tính đến ngày 08/3/2024 với số tiền là 900.474.150 đồng, trừ số tiền lãi 100.000.000 đồng bà L đã đóng cho bà Hoàng.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh của bà L đang khó khăn và bà L cũng xin giảm một phần tiền lãi nên đồng ý giảm tiền lãi cho bà L. Chỉ yêu cầu bà L trả số tiền lãi 367.000.000 đồng. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu này.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Bà Trần Thị H và bà Nguyễn Thuỳ L cùng xác định vào ngày 03/8/2015 Âm lịch (nhằm ngày 15/9/2015) hai bên có làm biên nhận vay tiền, theo nội dung biên nhận thể hiện bà L có vay số tiền 633.000.000đ (Sáu trăm ba mươi ba triệu đồng), lãi suất 3%/tháng, thời gian vay 02 tháng, hai bên tiến hành làm biên nhận vay tiền và cùng ký tên. Để đảm bảo cho việc vay tiền bà Nguyễn Thùy L giao cho bà H giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) số AH886450, diện tích 930,7m^2 do UBND

huyện PQ cấp ngày 24/4/2007 và một giấy chứng tử (bản chính) của ông Ch (chồng bà L). Do bà Nguyễn Thùy L không trả tiền gốc và lãi nên phát sinh tranh chấp.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Mỹ Ng đại diện theo ủy quyền cho bà H rút lại một phần yêu cầu tính lãi suất, các yêu cầu khác giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thùy L thừa nhận có ký vào biên nhận vay của bà H số tiền 633.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tháng, tuy nhiên đến hạn bà L không trả tiền nhưng bà L có đóng lãi cho bà H được 100.000.000 đồng. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H buộc bà L phải trả cho bà H số tiền gốc 633.000.000 đồng là phù hợp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc trả lại cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 886450, diện tích 930,7m^2 loại đất trồng cây lâu năm được UBND huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ) cấp ngày 24/4/2007 (bản chính); Giấy chứng tử của ông Võ Văn Chấn cấp ngày 26/02/2008 (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cấp ngày 23/8/2000 cho bà Nguyễn Thùy L (Bản sao).

[4] Xét yêu cầu tính lãi của bà Trần Thị H, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền ngày 03/8/2015 âm lịch (nhằm ngày 15/9/2015 dương lịch) có thể hiện lãi suất vay là 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị tính lãi suất theo quy định pháp luật 1,66%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 16/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 08/3/2024 là phù hợp theo khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Cụ thể: [(633.000.000 đồng x 85 tháng x 1,66%/tháng) + (633.000.000 đồng x 21 ngày x 0,055%/ngày) = 900.474.150 đồng, trừ số tiền lãi 100.000.000 đồng bà L đã đóng cho bà H, còn lại 800.474.150 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn và bị đơn đồng ý trả số tiền gốc và lãi 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thuỳ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả 1.000.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (200.000.000 đồng x 3%)} = 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Bị đơn bà Nguyễn Thuỳ L là người cao tuổi theo luật người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thuỳ L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 26, 35, 147, 244, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H đối với bà Nguyễn Thuỳ L.

Buộc bà Nguyễn Thuỳ L có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị H số tiền gốc và lãi 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi suất.

Kể từ có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị H về việc trả cho bà Nguyễn Thùy L một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 886450, diện tích 930,7m^2 được UBND huyện PQ (Nay là UBND thành phố PQ) cấp ngày 24/4/2007 (bản chính); Giấy chứng tử của ông Võ Văn Chấn cấp ngày 26/02/2008 (bản chính); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cấp ngày 23/8/2000 cho bà Nguyễn Thùy L (Bản sao).

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thuỳ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả 1.000.000.000 đồng = 36.000.000 đồng + (200.000.000 đồng x 3%) = 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Tuy nhiên, bà Nguyễn Thuỳ L là người cao tuổi theo luật người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thuỳ L không phải nộp án phí.

Bà Trần Thị H không phải chịu án phí, được hoàn trả số tiền 30.038.966 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo lai thu số 0009217 ngày 06/6/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố PQ.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Phú Quốc;
- CC. THADS TP. Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Hà